

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

### 1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	<b>Mã học phần 158112</b>		
Tên tiếng Việt: <b>Kiến trúc công trình</b> Tên tiếng Anh: <b>Steel structure</b>			
Học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn			
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương; <input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục chuyên nghiệp			
<input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp			
Số tín chỉ: 04			
Số tiết lý thuyết: 36	Số tiết thảo luận: 24		
Số tiết thực hành: 24	Số tiết tự học: 180		
Số tiết các hoạt động khác: <i>không</i>			
Học phần tiên quyết:	không		
Học phần kế tiếp:	không		
Bộ môn quản lý học phần	Kỹ thuật công trình		

### 2. Thông tin về giảng viên

T	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS. TS. Ngô Sĩ Huy	Bộ môn	ngosihuy@hdu.edu.vn	Tham gia
2	Th.S.Nguyễn Thị Thanh	KTCT, Khoa KTCN	nguyenthithanh@hdu.edu.vn	Phụ trách
3	Th.S.Mai Thị Ngọc Hằng		Maithingochang@hdu.edu.vn	Tham gia

### 3. Mô tả tóm tắt học phần

Nguyên lý kiến trúc, thiết kế kiến trúc, nguyên lý cấu tạo kiến trúc, các bản vẽ kiến trúc công trình, cấu tạo và kiến trúc nhà ở, cấu tạo và kiến trúc nhà công cộng, cấu tạo và kiến trúc nhà công nghiệp. Khái niệm chung về cấu tạo kiến trúc; nền và móng; tường nhà; sàn nhà; cầu thang; mái nhà; cửa sổ, cửa đi.

### 4. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức về nguyên lý kiến trúc, thiết kế kiến trúc, nguyên lý cấu tạo kiến trúc nhà công nghiệp, nhà dân dụng bao gồm nhà ở và nhà công cộng.

- CO2: Có kỹ năng thiết lập, thiết kế các bản vẽ nhà ở, nhà công cộng và triển khai các bản vẽ bằng sử dụng phần mềm Autocad.

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần

<b>CDR HP (CLOx)</b>	<b>Mô tả chi tiết CDR HP</b>	<b>CDR CTĐT liên quan (PLO)</b>
<b>Kiến thức</b>		
CLO1	Trình bày và giải thích được nguyên lý kiến trúc, thiết kế kiến trúc nhà dân dụng	PLO3
CLO2	Nắm được các kiến thức cơ bản về cấu tạo kiến trúc, hiểu nguyên lý làm việc, đọc hiểu được các bản vẽ cấu tạo kiến trúc	
<b>Kỹ năng</b>		
CLO3	Vẽ được bản vẽ các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng và mặt cắt nhà ở bằng sử dụng phần mềm Autocad	PLO 7
CLO4	Vẽ được bản vẽ các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng và mặt cắt nhà công cộng bằng sử dụng phần mềm Autocad.	
CLO5	Ứng dụng phần mềm Autocad trong việc thiết lập các bản vẽ cấu tạo kiến trúc, cách chỉnh sửa, hoàn thiện bản vẽ, in bản vẽ Autocad.	
CLO6	Vẽ được các bản vẽ kiến trúc và cấu tạo nhà công nghiệp.	
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CLO7	Hình thành và rèn luyện tác phong làm việc của người kỹ sư xây dựng trong tính toán và kiểm tra chi phí xây dựng công trình: khoa học, chính xác, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tính cẩn thận và kiên nhẫn. Tuân thủ các quy định trong thiết kế đảm bảo an toàn, tiết kiệm, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn liên quan đến thiết kế, kiến trúc, nguyên lý kiến trúc, cấu tạo kiến trúc, diễn họa kiến trúc 2D.	PLO9

### 6. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

[1]. Bộ Xây dựng (2013), *Cấu tạo kiến trúc*, NXB Xây dựng.

#### *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

[2]. Nguyễn Đức Thềm (2007), *Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng (Nhà ở và Nhà công cộng)*, NXB KH&KT.

[3]. Nguyễn Minh Thái (2013), *Thiết kế kiến trúc công nghiệp*, NXB Xây dựng.

## 7. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Hình thức: Vấn đáp + Thực hành Nội dung đánh giá: Nguyên lý kiến trúc, thiết kế kiến trúc nhà dân dụng: nhà ở và nhà công cộng.	Rubric 06 Rubric 07	CLO1	30%
2	Hình thức: Vấn đáp + Thực hành Nội dung đánh giá: Nguyên lý Cấu tạo kiến trúc	Rubric 06 Rubric 07	CLO2	
3	Hình thức: Vấn đáp + Thực hành Nội dung đánh giá: : Khả năng sử dụng các phần mềm Autocad: Vẽ bản vẽ các bản vẽ nhà ở.	Rubric 06 Rubric 07	CLO3	
4	Hình thức: Vấn đáp + Thực hành Nội dung đánh giá: Khả năng sử dụng các phần mềm Autocad: Vẽ bản vẽ các bản vẽ nhà công cộng bằng sử dụng phần mềm Autocad	Rubric 06 Rubric 07	CLO4	
5	Hình thức: Vấn đáp + Thực hành Nội dung đánh giá: Khả năng sử dụng các phần mềm Autocad. Vẽ được các bản vẽ kiến trúc và cấu tạo nhà công nghiệp.	Rubric 06 Rubric 07	CLO6	
6	Hình thức: Chuyên cần Nội dung đánh giá: Mức độ chuyên cần và ý thức học tập	Rubric 01	CLO7	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Hình thức: Vấn đáp + Thực hành Nội dung đánh giá: Vẽ được bản vẽ cấu tạo kiến trúc. Ứng dụng phần mềm Autocad trong việc thiết lập các bản vẽ, cách chỉnh sửa, hoàn thiện bản vẽ, in bản vẽ Autocad.	Rubric 06 Rubric 07	CLO5	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			

	Hình thức: Vấn đáp + Thực hành Nội dung đánh giá: Kiến thức tổng hợp	Rubric 06 Rubric 07	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%
--	---	------------------------	------------------------------	-----

(Phụ lục rubric đánh giá kèm theo)

### 8. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên xây dựng nội dung và hình thức tổ chức dạy học theo từng chương của học phần

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Đáp ứng CDR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<b>Chương 1: Giới thiệu chung nhà dân dụng</b>	3	Lí thuyết	CLO1	[1,2]	
1.1. Lịch sử kiến trúc thế giới	0	Thảo luận/BT			
1.2. Lịch sử kiến trúc Việt Nam	10	Tự học			
1.3. Các bản vẽ kiến trúc nhà dân dụng	15'	KT - ĐG			
<b>Chương 2: Những khái niệm chung về kiến trúc nhà dân dụng</b>	4	Lí thuyết	CLO1	[1,2]	
2.1. Khái niệm chung về kiến trúc và xây dựng	0	Thảo luận/BT			
2.2. Thiết kế kiến trúc nhà dân dụng	30	Tự học			
2.3. Cơ sở kỹ thuật kiến trúc, xây dựng hiện đại	15'	KT - ĐG			
<b>Chương 3: Kiến trúc nhà ở</b>	8	Lí thuyết	CLO3	[1,2]	
3.1. Khái niệm nhà ở, lược thảo quá trình phát triển nhà ở	6	Thảo luận/BT			
3.2. Cơ sở khoa học của việc nghiên cứu thiết kế nhà ở hiện đại	40	Tự học			
3.3. Phân loại nhà ở	8	Thực hành			
3.4. Nội dung thiết kế nhà ở	15'	KT - ĐG			
3.5. Kiến trúc Nhà ở thấp tầng, chung cư nhiều tầng và cao tầng					
<b>Chương 4: Cấu tạo kiến trúc</b>	8	Lí thuyết	CLO2,	[1]	

4.1. Khái niệm chung về cấu tạo kiến trúc			CLO5		
4.2. Các bộ phận của nhà	6	Thảo luận/BT			
4.2.1.Nền móng và móng	40	Tự học			
4.2.2.Tường nhà	50'	KT - ĐG			
4.2.3. Sàn nhà					
4.2.4. Cầu thang	8	Thực hành			
4.2.5. Mái nhà					
4.2.6.Cửa sổ và cửa đi					
<b>Chương 5: Kiến trúc và cấu tạo nhà Công cộng</b>	9	Lí thuyết	CLO4	[2]	
5.1. Khái niệm chung	6	Thảo luận/BT			
5.2. Tổ hợp không gian kiến trúc	40	Tự học			
5.3. Đặc điểm cấu tạo và các bộ phận của nhà công cộng	8	Thực hành			
5.4. Một số vấn đề kỹ thuật trong nhà công cộng	15'	KT - ĐG			
<b>Chương 6: Kiến trúc và cấu tạo nhà công nghiệp</b>	3	Lí thuyết	CLO6	[3]	
6.1. Khái niệm chung	4	Thảo luận/BT			
6.2. Đặc điểm cấu tạo nhà công nghiệp	20	Tự học			
6.3.Các bộ phận của nhà công nghiệp					
6.4. Bố trí tổng mặt bằng xí nghiệp công nghiệp	15'	KT - ĐG			
6.5. Giải pháp kiến trúc – kết cấu nhà xưởng					

### 9. Quy định đối với sinh viên:

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

### 10. Các yêu cầu khác của giảng viên

Bố trí phòng học có máy chiếu đảm bảo kết nối được với máy tính.

## 11. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 1</b> <i>Ngày tháng năm</i>	<b>Người cập nhật</b>  <b>Nguyễn Thị Thanh</b>
<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 2</b> <i>Ngày tháng năm</i>	<b>Người cập nhật</b>  <b>Nguyễn Thị Thanh</b>

**Duyệt**



**Ngô Sĩ Huy**

**Trưởng bộ môn**



**Mai Thị Hồng**

*Ngày 30 tháng 8 năm 2023*

**Giảng viên**



**Nguyễn Thị Thanh**

## PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC

### *Rubric 1. Tiêu chí đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt ≥ 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Vào lớp học đúng giờ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Vào lớp muộn > 30% số buổi	Vào lớp muộn 20-30% số buổi	Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi	Luôn đi học đúng giờ

### *Rubric 6. Tiêu chí đánh giá bài thi vấn đáp*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung trình bày	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,5	3,5 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	Đáp ứng 50-70% yêu cầu	Đáp ứng 70-80% yêu cầu	Đáp ứng 80-100% yêu cầu
Kỹ năng trình bày	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin	Lưu loát, một số chỗ chưa rõ ràng, chưa tự tin	Lưu loát, rõ ràng, chưa tự tin	Lưu loát, rõ ràng, tự tin
Mức độ trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng

Ghi chú: Thang điểm trên có thể thay đổi và được quy định cụ thể trong các đề cương chi tiết học phần.



**Rubric 7. Tiêu chí đánh giá bài thi thực hành**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Không đạt &lt;4.0</b>	<b>Đạt 4.0-5.9</b>	<b>Khá 6.0-7.9</b>	<b>Tốt 8.0-10</b>
Yêu cầu thực hành	10	Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đảm bảo thời gian	Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm cơ bản đáp ứng yêu cầu, chưa đảm bảo thời gian	Làm đúng các thao tác, sản phẩm đáp ứng hầu hết yêu cầu, đúng thời gian	Làm thành thạo các thao tác, sản phẩm đáp ứng tất cả yêu cầu, đúng thời gian

*Ghi chú: Có thể chia yêu cầu thực hành thành các tiêu chí nhỏ và được quy định cụ thể trong các đề cương chi tiết học phần.*

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 9 năm 2022

## BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### I. Phần chung

1. Hội đồng nghiệm thu đề cương chi tiết gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mùi	P.Trưởng Bộ môn	Chủ tịch hội đồng	
2	Lê Sỹ Chính	P.Trưởng Bộ môn	Ủy viên	
3	Mai Thị Ngọc Hằng	Giảng viên	Ủy viên	
4	Lê Thị Thanh Tâm	Giảng viên	Ủy viên	
5	Trịnh Thị Hà Phương	Giảng viên	Thư ký	

2. Hội đồng họp vào hồi 8h00', ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại phòng: 308A3, Bộ môn Kỹ thuật công trình, Đại học Hồng Đức.

3. Nội dung:

Hội đồng họp nghiệm thu đề cương chi tiết học phần theo học chế tín chỉ.

- Tên học phần: **Kiến trúc công trình**
- Số tín chỉ: 04
- Ngành ngành đào tạo: Kỹ thuật xây dựng trình độ Đại học

### II. Phần nhận xét

Sau khi nghe tác giả trình bày nội dung đề cương chi tiết học phần, Hội đồng nhận xét, thảo luận, góp ý và thống nhất một số ý kiến sau:

- Về hình thức: Đề cương trình bày đúng mẫu theo nhà trường quy định, trình bày đẹp.

- Về cấu trúc: Hợp lý, khoa học.

- Về nội dung: Nội dung phù hợp với chương trình đào tạo chuyên ngành và theo định hướng giúp người học tự học, tự nghiên cứu. Các rubric được sử dụng trong việc đánh giá kết quả học phần là đầy đủ, chi tiết và phù hợp với đặc thù của học phần.

### III. Kết luận

Hội đồng thống nhất thông qua đề cương chi tiết trên và đề nghị nhà trường thông qua để giảng dạy bắt đầu từ năm học 2022-2023 cho các lớp Đại học KTXD K25 áp dụng đối với khóa khóa tuyển sinh từ tháng 9 năm 2022.

Buổi họp kết thúc hồi 10h00' cùng ngày.

**Thư ký Hội đồng**

**Chủ tịch Hội đồng**

**Trịnh Thị Hà Phương**

**Nguyễn Thị Mùi**

**RUBRIC O1: (Vấn đáp) Đánh giá bài kiểm tra số 1 về Nguyên lý kiến trúc, thiết kế kiến trúc nhà dân dụng**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Không đạt &lt;4,0</b>	<b>Đạt 4,0-5,9</b>	<b>Khá 6,0-7,9</b>	<b>Tốt 8,0-10</b>
Nguyên lý thiết kế kiến trúc, thiết kế kiến trúc, sơ đồ công năng, tương tác công năng nhà ở và nhà công cộng, thiết kế nhà ở và công cộng. Đánh giá được kiến trúc công trình thực tế và trên bản vẽ.	10	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin và trả lời dưới 40% yêu cầu	Trả lời đúng 40-59% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng 70-80% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng các câu hỏi.

**RUBRIC O2: (Vấn đáp) Đánh giá bài kiểm tra số 2 Nguyên lý Cấu tạo kiến trúc**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Không đạt &lt;4,0</b>	<b>Đạt 4,0-5,9</b>	<b>Khá 6,0-7,9</b>	<b>Tốt 8,0-10</b>
Nắm được các kiến thức cơ bản về cấu tạo kiến trúc, hiểu nguyên lý làm việc, đọc hiểu được các bản vẽ cấu tạo các bộ phận của công trình: Nhà ở, nhà công cộng	10	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin và trả lời dưới 40% yêu cầu	Trả lời đúng 40-59% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng 70-80% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng các câu hỏi.

**RUBRIC O3: Đánh giá bài kiểm tra số 3 về Khả năng sử dụng các phần mềm Autocad: Vẽ bản vẽ các bản vẽ nhà ở.**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Không đạt &lt;4,0</b>	<b>Đạt 4,0-5,9</b>	<b>Khá 6,0-7,9</b>	<b>Tốt 8,0-10</b>
Sử dụng thành thạo phần mềm Autocad Vẽ bản vẽ các bản vẽ mặt bằng nhà ở.	10	Lập danh mục và yêu cầu của thiết kế. Xác định được sơ bộ kích thước diện tích kích thước các phòng của nhà ở. Thiết lập sơ đồ công năng, tương tác công năng	Ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ và ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ, quản lý bản vẽ theo các lớp vẽ. Chỉ ra được phương án thiết kế là hợp lý.	Vẽ xong và hoàn thiện được các bản vẽ theo yêu cầu. Thuyết trình và phản biện được phương án thiết kế	Trình bày bản vẽ hợp lý, đẹp, bố trí công năng hợp lý. Tương tác công năng tốt. Thuyết trình và phản biện tốt phương án thiết kế

**RUBRIC O4: Đánh giá bài kiểm tra số 4 Khả năng sử dụng các phần mềm Autocad: Vẽ bản vẽ các bản vẽ công cộng.**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Không đạt &lt;4,0</b>	<b>Đạt 4,0-5,9</b>	<b>Khá 6,0-7,9</b>	<b>Tốt 8,0-10</b>
Sử dụng thành thạo phần mềm Autocad Vẽ bản vẽ các bản vẽ mặt bằng nhà công cộng	10	Lập danh mục và yêu cầu của thiết kế. Xác định được sơ bộ kích thước diện tích kích thước các phòng của nhà công cộng. Thiết lập sơ đồ công năng, tương tác công năng	Ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ và ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ, quản lý bản vẽ theo các lớp vẽ. Chỉ ra được phương án thiết kế là hợp lý.	Vẽ xong và hoàn thiện được các bản vẽ theo yêu cầu. Thuyết trình và phản biện được phương án thiết kế	Trình bày bản vẽ hợp lý, đẹp, bố trí công năng hợp lý. Tương tác công năng tốt. Thuyết trình và phản biện tốt phương án thiết kế

**RUBRIC O5: Khả năng sử dụng các phần mềm Autocad. Vẽ được các bản vẽ kiến trúc và cấu tạo nhà công nghiệp.**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4,0	Đạt 4,0-5,9	Khá 6,0-7,9	Tốt 8,0-10
Sử dụng thành thạo phần mềm Autocad Vẽ bản vẽ các bản vẽ mặt bằng nhà công nghiệp	10	Lập danh mục và yêu cầu của thiết kế. Xác định được sơ bộ kích thước diện tích phòng của nhà công nghiệp. Thiết lập sơ đồ công năng, tương tác công năng	Ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ và ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ, quản lý bản vẽ theo các lớp vẽ. Chỉ ra được phương án thiết kế là hợp lý.	Vẽ xong và hoàn thiện được các bản vẽ theo yêu cầu. Thuyết trình và phản biện được phương án thiết kế	Trình bày bản vẽ hợp lý, đẹp, bố trí công năng hợp lý. Tương tác công năng tốt. Thuyết trình và phản biện tốt phương án thiết kế khi giảng viên chấm bài trực tiếp

**RUBRIC O6: Đánh giá ý thức học tập**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4,0	Đạt 4,0-5,9	Khá 6,0-7,9	Tốt 8,0-10
Ý thức học tập và mức độ chuyên cần	10	Dự <80% số giờ lên lớp	Dự 80-89% số giờ lên lớp	Dự 90-94% số giờ lên lớp	Dự 100% số giờ lên lớp

**Lưu ý:** 2 buổi đi muộn tính bằng 1 buổi vắng

**RUBRIC O7: Giữa kỳ Khả năng sử dụng các phần mềm Autocad: Vẽ bản vẽ cấu tạo kiến trúc**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4,0	Đạt 4,0-5,9	Khá 6,0-7,9	Tốt 8,0-10
Sử dụng thành thạo phần mềm Autocad Vẽ bản vẽ các bản vẽ cấu tạo kiến trúc như bản vẽ: Móng, cầu thang, cửa,...	10	Vẽ được đầy đủ các chi tiết trong bản vẽ	Ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ và ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ quản lý bản vẽ theo các lớp vẽ.	Vẽ xong và hoàn thiện được các bản vẽ theo yêu cầu.	Trình bày bản vẽ hợp lý, đẹp.

**RUBRIC O8: Đánh giá bài kiểm tra cuối kỳ**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Không đạt &lt;4,0</b>	<b>Đạt 4,0-5,9</b>	<b>Khá 6,0-7,9</b>	<b>Tốt 8,0-10</b>
Nguyên lý kiến trúc, thiết kế kiến trúc nhà dân dụng	1	0-0,25	0,25-0,5	0,5-0,75	0,75-1.0
		Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin và trả lời dưới 40% yêu cầu	Trả lời đúng 40-59% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng 70-80% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng các câu hỏi.
Cấu tạo kiến trúc.	2	0-0,75	0,75-1,0	1,0-1,5	1,5-2,0
		Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin và trả lời dưới 40% yêu cầu	Trả lời đúng 40-59% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng 70-80% yêu cầu	Trả lời lưu loát, rõ ràng, tự tin đúng các câu hỏi.
Sử dụng thành thạo phần mềm Autocad Vẽ bản vẽ các bản vẽ mặt bằng nhà ở.	3	0-1,25	1,25-2,0	2,0-2,5	2,5-3,0
		Lập danh mục và yêu cầu của thiết kế. Xác định được sơ bộ kích thước diện tích kích thước các phòng của nhà ở. Thiết lập sơ đồ công năng, tương tác công năng	Ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ và ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ, quản lý bản vẽ theo các lớp vẽ. Chỉ ra được phương án thiết kế là hợp lý.	Vẽ xong và hoàn thiện được các bản vẽ theo yêu cầu. Thuyết trình và phản biện được phương án thiết kế	Trình bày bản vẽ hợp lý, đẹp, bố trí công năng hợp lý. Tương tác công năng tốt. Thuyết trình và phản biện tốt phương án thiết kế khi giảng viên chấm bài trực tiếp.
Sử dụng thành thạo phần mềm Autocad Vẽ bản vẽ các bản vẽ mặt bằng nhà công cộng	4	0-1,5	1,5-2,5	2,5-3,0	3,0-4,0
		Lập danh mục và yêu cầu của thiết kế. Xác định được sơ bộ kích thước diện tích kích thước các phòng của nhà	Ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ và ghi đầy đủ kích thước và viết được chữ trên bản vẽ, quản lý bản vẽ theo các lớp vẽ.	Vẽ xong và hoàn thiện được các bản vẽ theo yêu cầu. Thuyết trình được phương án thiết kế	Trình bày bản vẽ hợp lý, đẹp, bố trí công năng hợp lý. Tương tác công năng tốt. Thuyết trình và phản biện tốt

		ở. Thiết lập sơ đồ công năng, tương tác công năng	Chỉ ra được phương án thiết kế là hợp lý		phương án thiết kế khi giảng viên chấm bài trực tiếp
--	--	---	--	--	--

*Ghi chú: Thang điểm trên có thể thay đổi và được quy định cụ thể trong các đề cương chi tiết học phần.*

